

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Tên gói thầu: Gói số 1: Cung cấp hàng bồi dưỡng độc hại cấp phát chế độ cho người lao động năm 2026

Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh và cơ cấu theo Dự toán KTCB năm 2026

Thời gian thực hiện: 12 tháng

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chất lượng: Nhà thầu cung cấp phải là hàng hóa loại mới 100%, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đúng chủng loại, khối lượng và các yêu cầu kỹ thuật như trong E-HSMT. Sản phẩm phải có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu hợp pháp. Đóng gói nguyên vẹn, có nhãn hàng hóa ghi rõ: Tên sản phẩm, nhà sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thành phần, tiêu chuẩn áp dụng

- Thời hạn sử dụng: hạn sử dụng sản phẩm còn tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Thời gian cung cấp hàng hóa theo từng tháng: thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch hoặc thông báo giao hàng của chủ đầu tư, nhà thầu phải cung cấp đủ số lượng, chủng loại hàng hoá theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ có thông báo hoặc kế hoạch giao hàng trước 3 ngày của mỗi đợt giao hàng. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

- Nghiệm thu bàn giao: Hai bên tiến hành giao nhận số lượng theo thông báo đặt hàng của Chủ đầu tư. Nhà thầu cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm theo đúng yêu cầu của của Chủ đầu tư. Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu về bảo hành hàng hoá: Thời gian bảo hành sản phẩm: 12 tháng. Nhà thầu có cam kết bảo hành, thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa giao không bảo đảm chất lượng, bị hư hỏng trong thời hạn bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng mới trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có văn bản của chủ đầu tư. Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí phát sinh nếu do lỗi cung ứng hàng hoá của mình gây ra

- Năm sản xuất hàng hoá: năm 2026 trở về sau.

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng đến kho đội và Nhà máy chế biến mủ cao su; xí nghiệp TMDV&TH trực thuộc Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk:

- + Đội 1 Phú lộc: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã phú lộc cũ)
- + Đội 2 Phú Lộc: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã phú lộc cũ)
- + Đội 1 Đlieya: Xã Đlieya, tỉnh Đắk Lắk. (xã Đlieya cũ)
- + Đội 2 Đlieya: Xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk. (xã CưKlông cũ)
- + Đội Tam giang: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã EaHò cũ)
- + Nhà máy chế biến mủ: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã EaHò cũ)
- + XNTMDV&TH: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã EaHò cũ)
- + Thủ kho và Phòng QLKT-CL: Xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (xã EaHò cũ)

- Các yêu cầu khác: Toàn bộ chi phí liên quan đến việc vận chuyển bàn giao hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng do nhà thầu chi trả.

Ghi chú :

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Yêu cầu kỹ thuật chi tiết dưới đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn được quy định trong E-HSMT. Chất lượng hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Sữa đặc	- Giá trị dinh dưỡng trung bình (/100gr): năng lượng: 341Kcal, chất đạm: 4,8g, chất béo: 11,3g, cacbonhydrat: 55,2g. - Trọng lượng: 380gr/lon Chất lượng hàng hoá tương đương sữa đặc Ông Thọ hoặc tương đương, cao hơn.
2	Sữa hộp	- Giá trị dinh dưỡng (/100ml): năng lượng: $\geq 72,6$ kcal; protein $\geq 3,0$ g; chất béo $\geq 3,0$ g; carbohydrate $\geq 8,4$ g; đường $\geq 8,3$ g; canxi ≥ 110 mg;

		<p>natri ~ 41 mg; phốt pho ~ 90 mg; một số vitamin & khoáng như vitamin A, D3, K1, B1, B2, kẽm, iốt ...</p> <p>- Trọng lượng: 180ml/hộp</p> <p>Chất lượng hàng hoá tương đương sữa bò tiệt trùng hoặc tương tương, cao hơn.</p>
3	Đường cát	<p>- Đường mía tinh luyện, có tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô không vón cục.</p> <p>- Thông tin dinh dưỡng (/100gr): năng lượng: 399,6 kcal, cacbonhydrat: 99,9g.</p> <p>- Trọng lượng: 1kg/gói; Bao 20 gói.</p> <p>Chất lượng hàng hoá tương đương đường kính Pure Biên Hoà hoặc tương tương, cao hơn.</p>
4	Nước mắm	<p>- Nước, muối, đạm cá com, đường, chất điều vị, chất bảo quản, sodium benzoate, urê nội sinh dưới 0.025%, chất ổn định, màu tổng hợp, màu caramen, hương cá hồi.....</p> <p>- Nước mắm sản xuất theo công nghệ cao để loại trừ vi khuẩn gây hại.</p> <p>- Được làm từ cá com tươi 100%, đặc sánh nguyên liệu truyền thống cho chất lượng thơm ngon</p> <p>- Đạt chuẩn 4 không</p> <p>- Hương thơm ngon đậm vị cá</p> <p>- Màu vàng ươm trong, sánh</p> <p>- Bổ sung hương cá hồi đặc biệt.</p> <p>Chất lượng hàng hoá tương đương nước mắm nam ngư hoặc tương tương, cao hơn.</p>
5	Hạt nêm	<p>- Thành phần dinh dưỡng: Protein: 16g/100g, chất béo: 12g/100g, carbohydrate: 25,1g/100g, i-ốt 54,54g/100g; Năng lượng : 174,18Kcal/100g;</p> <p>- Đóng gói: 900g/gói</p>

		Chất lượng hàng hoá tương đương hạt nêm Knorr 900g hoặc tương đương, cao hơn.
6	Bột ngọt	- Độ tinh khiết >99%. - Trọng lượng: 400 gr/gói Chất lượng hàng hoá tương đương bột ngọt Aone hoặc cao hơn
7	Dầu ăn	- Thành phần dinh dưỡng: năng lượng: 124-:-126kcal/100g; chất béo toàn phần: 13,8-:-14 g. Vitamin A, D3 - Trọng lượng: 1 L/chai; 12 chai/thùng Chất lượng hàng hoá tương đương dầu ăn Marvela hình con tôm hoặc tương đương, cao hơn.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Khi nhận hàng, Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng hàng hóa. Trường hợp hàng hóa không đáp ứng đúng số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật theo yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối không nhận hàng, không nghiệm thu. Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng trong thời hạn bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng mới trong thời gian 05 ngày kể từ ngày có văn bản của chủ đầu tư. Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí phát sinh nếu do lỗi cung ứng hàng hóa của mình gây ra.

-